

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-03-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Hà Văn Trường

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 94/2019/HNST ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 ngày giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: số đường NAN, phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Khối .., thị trấn TS, huyện HS, tỉnh HT

Địa chỉ hiện nay: số.... đườngN, phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2019, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Phạm Hồng N trình bày:

Bà và Cao Văn D tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố Vũng Tàu ngày 10/02/2012. Bà và ông D chung sống hạnh phúc tới khoảng 2 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D ham mê cá độ dẫn tới nợ nần, vợ chồng đã phải bán nhà để trả nợ. Từ thời điểm kết hôn tới nay ông D không phụ giúp bà về kinh tế, nuôi dạy con mà còn khiến bà bị ảnh hưởng tâm lý, danh dự nghiêm trọng khi các chủ nợ kéo đến nơi bà làm việc để uy hiếp, khủng bố, bôi nhọ danh dự bà. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Hiện tại, bà đã hết tình nghĩa vợ chồng với ông D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung là Cao Nhật K và Cao Nhật A cùng sinh ngày 22/01/2016. Bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con từ khi sinh ra cho tới nay nên bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế của ông D đang khó khăn

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh ngày 04 tháng 03 năm 2019, ông Cao Văn D trình bày:

Ông và bà N đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường T thành phố Vũng Tàu ngày 10/02/2012. Trong quá trình chung sống ông đã không đem lại hạnh phúc cho bà N, không lo được cuộc sống tốt cho vợ con, làm cho bà N buồn, khô nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Cao Nhật K và Cao Nhật A cùng sinh ngày 22/01/2016. Do các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên ông đồng ý để bà N nuôi con, ông cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án “Tranh chấp hôn nhân gia đình” đối các đương sự đang cư trú tại Tp.Vũng Tàu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu.

Về sự vắng của đương sự: Ông Cao Văn D có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Phạm Hồng N và ông Cao Văn D chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, ý kiến của các đương sự đều thể hiện cuộc sống chung của vợ chồng có mâu thuẫn và cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Cao Văn D và bà Phạm Hồng N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình

[2.2]. Về con chung: bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Cao Nhật Khôi và Cao Nhật An cùng sinh ngày 22/01/2016. ông D không thể hiện ý muốn về việc muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, hơn nữa các con chung của bà N và ông D còn nhỏ, còn cần có sự chăm sóc của người mẹ nên yêu cầu về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của bà N là có căn cứ, được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Phạm Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 227; Điều 228, Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng N:

[1.1]. Về hôn nhân: Bà Phạm Hồng N và ông Cao Văn D ly hôn.

[1.2]. Về con chung: bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Cao Nhật K và Cao Nhật A cùng sinh ngày 22/01/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[1.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2]. Về án phí: Bà Phạm Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010403 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu. bà N đã nộp đủ án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- UBND phường Thắng Nhì (6 cũ), Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm